

Bản án số: 362/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Công; Ông Đàm Kiến Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2020/QĐXXST-HNGD, ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1983; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1985; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Thanh Q trình bày: Qua tìm hiểu anh và chị Nguyễn Thị Cẩm N về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Do nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 16/8/2004 và Nguyễn Thế B, sinh ngày 12/01/2008, hiện đang sống với chị N.

Khi ly hôn anh đề nghị giao hai con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh Q về thời gian sống chung, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đồng ý yêu cầu ly hôn của anh Q.

Về con chung: Chị thống nhất lời trình bày của anh Q. Khi ly hôn chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị Cẩm N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 14, 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của anh Q, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị N; Về con chung giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi, anh Q không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì anh Q chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh Q khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Cẩm N có nơi cư trú Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị N và anh Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q và chị N.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, anh Q và chị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, nơi anh Q và chị N cư trú xác nhận anh chị không

làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Từ năm 2004 đến nay, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh Q và chị N vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là không có căn cứ để chấp nhận. Việc anh Q và chị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay mà không đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q, mà không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị N, theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh Q và chị N có hai người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 16/8/2004 và Nguyễn Thế B, sinh ngày 12/01/2008.

Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay hai con chung đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm, các con sẽ gắn bó với mẹ nhiều hơn. Chị N và anh Q đều thống nhất về việc con chung sẽ do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và nguyện vọng của con chung là được sống với mẹ, nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Chị N là người trực tiếp nuôi con, nhưng không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Nguyễn Thanh Q phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị Cẩm N là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 16/8/2004 và Nguyễn Thế B, sinh ngày 12/01/2008. Anh Nguyễn Thanh Q chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 43973 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, anh Q đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án án, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Triều